

TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI



1. Họ và tên thường dùng: LƯƠNG TAM QUANG
2. Họ và tên khai sinh: LƯƠNG TAM QUANG
- Các bí danh/tên gọi khác (nếu có): Không.
3. Ngày, tháng, năm sinh: 17/10/1965.
4. Giới tính: Nam.
5. Quốc tịch: Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc tịch quốc gia khác.
6. Nơi đăng ký khai sinh: Hà Nội.
7. Quê quán: Xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên.

8. Nơi đăng ký thường trú: 209-G22 tập thể Thành Công, phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số 2021-C5 Khu đô thị Ciputra, phường Phú Thượng, Thành phố Hà Nội.

9. Số Căn cước: 001xxxxxx028;

Ngày cấp: 10/11/2025; Cơ quan cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

10. Dân tộc: Kinh.

11. Tôn giáo: Không.

12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông: 10/10 phổ thông;
- Chuyên môn, nghiệp vụ: Đại học; chuyên ngành Luật. chuyên ngành Điều tra tội phạm;
- Học vị: Không; Học hàm: Không;
- Lý luận chính trị: Cao cấp; - Ngoại ngữ: Anh trình độ B1.

13. Nghề nghiệp hiện nay: Công an.

14. Chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác: Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ trưởng Bộ Công an, Đại tướng.

15. Nơi công tác: Bộ Công an.

16. Ngày vào Đảng: 21/11/1998;

- Ngày chính thức: 21/11/1999; Số thẻ đảng viên: 001xxxxxx028;

- Chức vụ trong Đảng: Ủy viên Bộ Chính trị (khóa XIII, khóa XIV);

- Ngày ra khỏi Đảng (nếu có): Không. Lý do ra khỏi Đảng:

17. Tham gia làm thành viên của các tổ chức đoàn thể khác:

- Tên tổ chức đoàn thể: Không;
- Chức vụ trong từng tổ chức đoàn thể: Không.

18. Tình trạng sức khỏe: Tốt.

19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được trao tặng: 02 Huân chương Quân công hạng Nhất; 02 Huân chương Quân công hạng Nhì; 02 Huân chương Chiến công hạng Nhất; Huân chương Chiến công hạng Nhì; Huân chương Tự do hạng Nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Huân chương Tự do hạng Ba của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Huân chương Anh dũng hạng Nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Huy chương Đoàn kết Hữu nghị Việt Nam-Lào; Huân chương Sahametrei Sena của Hoàng gia Campuchia; Huân chương Mừng 6 tháng 6 của Cuba; Huy chương Vì an ninh Tổ quốc; Huy chương Chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì, Ba.

20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không bị kỷ luật, không có án tích.

21. Là đại biểu Quốc hội khóa (nếu có): Không.

22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có): Không.

23. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng 11 năm 1983 đến hết tháng 8 năm 1985	Học viên trường An ninh IV - Tổng cục I.
Từ tháng 9 năm 1985 đến hết tháng 10 năm 1989	Cán bộ Cục Ngoại tuyến, Tổng cục An ninh, Bộ Nội vụ (nay là Bộ Công an).
Từ tháng 11 năm 1989 đến hết tháng 8 năm 1994	Học viên D21, Đại học An ninh nhân dân.

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ, nơi công tác (Chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng 9 năm 1994 đến hết tháng 4 năm 1996	Cán bộ Cục Ngoại tuyến, Tổng cục An ninh, Bộ Công an.
Từ tháng 5 năm 1996 đến hết tháng 9 năm 2006	Cán bộ Cục An ninh kinh tế, Tổng cục An ninh, Bộ Công an.
Từ tháng 10 năm 2006 đến hết tháng 6 năm 2008	Phó Trưởng phòng, Cục An ninh kinh tế, Tổng cục An ninh, Bộ Công an.
Từ tháng 7 năm 2008 đến hết tháng 02 năm 2009	Trưởng phòng, Thư ký lãnh đạo Bộ Công an.
Từ tháng 3 năm 2009 đến tháng 12 năm 2009	Phó Cục trưởng, Thư ký lãnh đạo Bộ Công an.
Từ tháng 12 năm 2009 đến hết tháng 7 năm 2010	Phó Cục trưởng, Cục An ninh kinh tế tổng hợp, Tổng cục An ninh II, Bộ Công an.
Từ tháng 8 năm 2010 đến hết tháng 9 năm 2017	Cục trưởng, Phó Chánh Văn phòng Bộ Công an; Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy Công an Trung ương.
Từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 8 năm 2019	Chánh Văn phòng Bộ Công an; Chánh Văn phòng Đảng ủy Công an Trung ương; Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương; Bí thư Đảng ủy Văn phòng Bộ Công an.
Từ tháng 8 năm 2019 đến hết tháng 6 năm 2024	Thứ trưởng Bộ Công an; Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Công an Trung ương (tháng 01 năm 2020); Thủ trưởng Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an (tháng 5 năm 2020); Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIII (tháng 02 năm 2021).
Từ tháng 6 năm 2024 đến nay	Bộ trưởng Bộ Công an; Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương; Ủy viên Bộ Chính trị: Khóa XIII (từ tháng 8 năm 2024); khóa XIV (từ tháng 01 năm 2026); Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ; Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; Thành viên Ban Chỉ đạo cải cách tư pháp Trung ương.

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Ký tên

(Đã ký)

Lương Tam Quang